

Bản án số: 35/2018/HSPT
Ngày 07 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Tạ Văn Thành

Bà Phùng Thị Ái Nguyên

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2018/HSPT ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh H do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện H, tỉnh P.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982

Tên gọi khác: Không có. Giới tính: Nữ.

Nghề nghiệp: Cán bộ UBND xã X, huyện H, tỉnh P;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 8 xã X, huyện H, tỉnh P.

Là Đảng viên Đảng cộng sản V Nam.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Nguyễn Tiến Giảng, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Thuận, sinh năm 1957. Cả bố và mẹ hiện là cán bộ hưu trí, ở tại khu 8 xã X, huyện H, tỉnh P; Chồng là Mai Thành N, sinh năm 1982, hiện là cán bộ Ngân hàng NN và PTNN huyện H, tỉnh P.

- Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014

- Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ 1.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày 26/06/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/12/2014, Ngân hàng chính sách xã hội huyện H ký J đồng ủy thác số 17PN/HĐUT với Hội liên hiệp Phụ nữ xã X về việc thực hiện một số nội dung công việc trong quy trình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn xã X. Ngày 5/8/2015, Nguyễn Thị Thanh H được bầu giữ chức vụ Chủ tịch hội LHPN xã X, tiếp tục thực hiện J đồng ủy thác mà Hội LHPN xã X ký với NHCSXH huyện H trước đó. Theo đó, H có trách nhiệm phụ trách các tổ tiết kiệm vay vốn: tổ 1, tổ 2, tổ 3, tổ 7B có nhiệm vụ tuyên truyền vận động, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ vay vốn và các hoạt động phối J cùng NHCSXH như: Nhận và thông báo kết quả phê duyệt danh sách hộ gia đình được vay vốn cho tổ tiết kiệm và vay vốn để thông báo tới hộ gia đình; Phối J cùng ngân hàng chính sách và chính quyền địa phương xử lý nợ quá hạn, người vay bỏ đi khỏi nơi cư trú, tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi; Phối J NHCSXH thực hiện đánh giá phân loại chất lượng của tổ tiết kiệm vay vốn.

Mặc dù, H không có nhiệm vụ thu tiền trả gốc và lãi của các hộ dân vì việc thu tiền của các hộ dân là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ Ngân hàng CSXH. Tuy nhiên, H đã lạm dụng chức vụ quyền hạn của mình là Chủ tịch hội phụ nữ xã X, được thực hiện nhiệm vụ do Ngân hàng chính sách xã hội huyện H ủy thác và sự tin tưởng của các hộ dân, H đã nhận thu tiền để giúp các hộ dân trả các khoản vay và lãi suất cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H. Sau khi nhận được tiền, H không nộp trả cho Ngân hàng như đã thỏa thuận với các hộ dân mà đã chiếm đoạt và sử dụng hết. Với cách thức và thủ đoạn như vậy, từ năm 2014 đến năm 2017, H đã lần lượt chiếm đoạt số tiền 136.600.000đ của 05 hộ dân. Cụ thể như sau:

1. Hộ của bà Vũ Thị J, sinh năm 1970, ở khu 3 xã X:

Tháng 10/2010, Ngân hàng giải ngân cho gia đình bà J vay 8.600.000đ theo chương trình học sinh, sinh viên và 40.000.000đ theo chương trình hộ cận nghèo. Đến tháng 6/2016, bà J thay đổi nơi sinh sống, Ngân hàng có chủ trương thu hồi các khoản cho bà J vay, vì vậy, ông Hoàng Trung G là cán bộ ngân hàng CSXH huyện H phụ trách xã X đã gọi điện cho H, yêu cầu H thông báo cho bà J biết về nội dung trên. Sau khi được H thông báo, ngày 06/06/2016, ông Ngô Văn Tiến, sinh năm 1970 là chồng bà J đã đến UBND xã X gặp H nộp tiền gốc và lãi, H đã lập biên bản thu của ông Tiến số tiền gốc 48.600.000đ và 2.531.000đ tiền lãi, tổng cộng là 51.131.000đ. Sau khi nhận tiền, H đã chiếm đoạt và giữ lại sử dụng cá nhân. Ngày 06/12/2016, H đã đến Ngân hàng CSXH huyện H nộp số tiền lãi cho hai khoản vay của bà J là 2.864.169đ. Ngày 03/05/2017, H tiếp tục nhờ chị Ngô Thị A, sinh năm 1984, ở khu 3 xã X đến nộp 8.600.000đ tiền gốc của khoản vay hỗ trợ học sinh, sinh viên và 275.772đ tiền lãi của khoản vay này. Còn lại, 40.000.000đ H đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân hết.

2. Hộ chị Lê Thị A, sinh năm 1986, ở khu 7, xã X.

Từ tháng 2/2014, ngân hàng chính sách xã hội huyện H đã duyệt hồ sơ và giải ngân cho chị A vay 4.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và 47.000.000 đồng theo chương trình vay cho hộ nghèo. Đến đầu tháng 8/2016, Ngân hàng CSXH huyện H phát hiện bà A sử dụng số tiền trên sai mục đích nên ông Hoàng Trung G, gọi điện cho H, yêu cầu H thông báo cho chị A trả gốc và lãi cho ngân hàng chính sách và thanh lý J đồng vay vốn. Ngày 16/8/2016, chị A

lên UBND xã X gặp H để nộp lại số tiền trên. H đã lập một biên bản thu hồi vốn và trực tiếp thu của bà A số tiền 51.011.000 đồng, trong đó: 51.000.000 đồng tiền gốc và 11.000 đồng tiền lãi của hai khoản vay trên cùng một sổ vay vốn mang tên Lê Thị A. Sau khi thu tiền, H chỉ nộp 11.000 đồng tiền lãi cho Ngân hàng, còn lại số tiền 51.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân hết.

3. Hộ ông Tạ Văn B, sinh năm 1964, ở khu 7, xã X.

Tháng 10/2013, hộ ông B được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 33.600.000 đồng theo chương trình vay dành cho học sinh sinh viên. Đến đầu năm 2016, ông B đưa lần lượt 03 lần cho H số tiền 11.600.000 đồng nhờ H trả một phần tiền gốc cho ngân hàng, H cũng viết giấy thu tiền, nhưng không trả cho ngân hàng mà chiếm đoạt và sử dụng hết. Đến ngày 6/02/2017, H biết ông B có đưa 2.000.000 đồng nhờ bà Nguyễn Thị Lạc, sinh năm 1962, ở khu 7 xã X (Là tổ trưởng tổ vay vốn) trả nợ cho ngân hàng, H đã đến nhà và yêu cầu bà Lạc đưa H số tiền trên để H nộp về cho ngân hàng hộ. Bà Lạc đồng ý và làm giấy biên nhận, đưa tiền cho H.

Ngày 06/05/2017, tại UBND xã X, H biết ông B đưa bà Lạc số tiền 20.000.000 đồng cùng một sổ vay vốn để nhờ bà Lạc trả hộ tiền gốc cho Ngân hàng, H đã gặp bà Lạc và bảo bà Lạc đưa số tiền trên để H nộp cho Ngân hàng hộ, bà Lạc đồng ý nhờ H trả một phần tiền gốc khoản vay của ông B, H đã viết giấy biên nhận tiền của bà Lạc. Trưa cùng ngày, H đã trả 5.000.000 đồng cho ngân hàng, còn 15.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt. Như vậy, tổng số tiền H chiếm đoạt của hộ gia đình ông B là 28.600.000 đồng và sử dụng hết.

4. Hộ ông Nguyễn Văn V ở khu 8, xã X:

Năm 2015 gia đình anh vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 28.000.000 đồng theo chương trình vay giành cho hộ cận nghèo. Năm 2017, gia đình anh V có nhu cầu vay thêm tiền để phát triển kinh tế nên chị Nguyễn Thị Cần, sinh năm 1987, ở khu 8 xã X là vợ anh V nói với bà Hoàng Thị Xuân là tổ trưởng tổ vay vốn số 8. Bà Xuân có nói với H biết về nội dung trên. Ngày 26/05/2017, H gọi điện cho bà Xuân, thông báo chị Cần pG nộp lại 5.000.000 đồng cho ngân hàng chính sách để trả bớt khoản vay cũ mới được vay thêm. Sau đó bà Xuân đã gọi điện cho chị Cần nói lại nội dung trên. Trưa cùng ngày chị Cần cầm 5.000.000 đồng lên UBND xã X gặp H để nhờ H nộp hộ. Tại phòng làm việc của H, H đã thu của chị Cần số tiền 5.000.000 đồng và cho chị Cần ký vào 01 quyển sổ với nội dung đã thu số tiền trên. Sau khi thu được tiền, H đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân hết.

5. Hộ của anh Ngô Quốc Đ, sinh năm: 1982, ở khu 8 xã X.

Năm 2012, gia đình anh Đ vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 42.000.000 đồng theo 2 chương trình vay giành cho hộ nghèo. Ngày 6/01/2017, H gọi điện cho anh Đ hỏi anh Đ xem có trả gốc khoản vay trên không. Do có nhu cầu vay thêm khoản vay mới nên anh Đ nói với H sẽ nhờ bà Xuân tổ trưởng tổ vay vốn trả tiền cho ngân hàng. Cùng ngày, anh Đ đưa cho bà Xuân 12.000.000 đồng nhờ bà Xuân trả cho ngân hàng chính sách. Bà Xuân cầm số tiền trên đến UBND xã X để nộp cho cán bộ ngân hàng chính sách tới thu tại điểm giao dịch. Khi vừa đến UBND xã, H gặp và bảo bà Xuân đưa tiền cho H, H sẽ nộp thay cho anh Đ. Bà Xuân đã đưa cho H số tiền 12.000.000 đồng, nhưng

do tin tưởng H nên bà Xuân không ý nhận vào giấy tờ gì, sau khi nhận tiền, H đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân hết.

Như vậy, H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt của 05 hộ dân số tiền 136.600.000đ.

Với cách thức và thủ đoạn nói trên, H còn lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền đóng bảo hiểm y tế của 6 người dân. Cụ thể.

Ngày 14/4/2017, Hội liên hiệp Phụ nữ huyện H cử Nguyễn Thị Thanh H tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ bảo hiểm y tế tự nguyện do bảo hiểm xã hội tỉnh P mở để cấp thẻ làm nhân viên đại lý bán bảo hiểm. Sau khi tham gia lớp đào tạo, mặc dù H chưa ký J đồng chính thức với bảo hiểm xã hội huyện H và chưa trở thành đại lý bán bảo hiểm. Tuy nhiên, H lạm dụng chức vụ của mình là Chủ tịch Hội phụ nữ, đã tự ý vận động thu 6 người dân tiền bảo hiểm y tế tự nguyện là 3.724.380 đồng, gồm: Chị Nguyễn Thị Thơm, sinh năm 1970, ở khu 3; anh Phùng Đức Cường, sinh năm 1977 và vợ là Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1977 ở khu 5 xã X; chị Vũ Thị Oanh, sinh năm 1982, ở khu 3 xã X; chị Lê Thị Thịnh, sinh năm 1964, ở khu 10 xã X; chị Nguyễn Thị Hoạt, sinh năm 1964, ở khu 10 xã X. Số tiền thu được, H đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân hết.

Ngày 21/06/2017, Cơ quan CSĐT đã thi hành lệnh khám xét nơi ở và nơi làm việc của H, thu giữ tại nơi ở của H 01 biên bản thu hồi vốn vay Ngân hàng CSXH đối với hộ bà Lê Thị A ghi ngày 18/08/2016, 01 giấy nhận tiền ngày 06/06/2016, mục bên giao tiền là ông Ngô Văn Tiến, mục người nhận tiền là Nguyễn Thị Thanh H. Thu giữ tại phòng làm việc của H: 01 sổ vay vốn mang tên Cù Thị Lý, sinh năm 1959, khu 6 xã X vay số tiền 45 triệu đồng; 01 sổ vay vốn mang tên Bùi Nguyên Nam, sinh năm 1979, ở khu 1 xã X vay số tiền 47 triệu đồng; 01 sổ vay vốn mang tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991, ở khu 1 xã X vay số tiền 45 triệu đồng; 01 sổ vay vốn mang tên Nguyễn Thị Lượng, sinh năm 1957, ở khu 7 xã X. Tổng cộng số tiền vay của 04 sổ vay vốn này là 183 triệu đồng.

Ngày 24/6/2017, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định mẫu chữ và chữ ký tại mục nhận tiền của giấy biên nhận tiền và biên bản thu hồi vốn đã thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của H. Tại Kết luận giám định số 1188/KLGD ngày 25/06/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận các chữ và chữ ký trong các tài liệu trên là của H.

Quá trình điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đồng thời H còn khai nhận, do nợ nần nhiều nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền, vì vậy H tìm cách để tiếp cận các hộ dân khi họ đến UBND xã X để trả tiền gốc và lãi các khoản vay Ngân hàng. Có trường J thì hộ dân đến nhờ H trả hộ do tin tưởng vào chức vụ H đang làm. Ngoài ra, H đã chủ động tiếp cận, đặt vấn đề nhận trả nợ Ngân hàng hộ các hộ dân và được các hộ dân đồng ý, khi có được tiền của các hộ dân, H đã chiếm đoạt, sử dụng cá nhân hết. Khi nhận tiền của những người dân, có trường J H viết giấy biên nhận (Hộ ông Tiến và bà A) hoặc cho ký vào một quyển sổ (Hộ anh V), còn lại, H nhận tiền mà không lập biên bản hoặc ký nhận gì. Đối với số tiền đóng bảo hiểm, H cũng khai nhận mặc dù chưa được chưa ký J đồng chính thức với bảo hiểm xã hội huyện H và chưa trở thành đại lý

bán bảo hiểm, tuy nhiên, H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình, cùng với sự tin tưởng của các hộ dân mà tự ý thu tiền, chiếm đoạt và sử dụng hết.

Cơ quan CSĐT đã cho H đối chất với các hộ dân, kết quả đối chất phù J với lời khai của H và lời khai của các hộ dân về việc H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn và sự ủy thác của Ngân hàng, cùng với sự tin tưởng của các hộ dân, H đã chiếm đoạt số tiền nộp trả gốc, lãi cho Ngân hàng của 05 hộ dân. Đồng thời chiếm đoạt tiền đóng bảo hiểm của 06 cá nhân khác như nêu trên.

Đối với các khoản vay khác ngoài xã hội, Quá trình điều tra đã xác định việc vay mượn đó là các giao dịch dân sự, những người cho H vay tiền cũng không có đề nghị gì. Vì vậy Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý hình sự đối với H về các khoản vay trên.

Đối với số tiền 183 triệu đồng của 04 sổ vay vốn thu giữ tại phòng làm việc của H, kết quả điều tra xác định các hộ dân trên có làm hồ sơ vay vốn nhưng không được Ngân hàng giải ngân, chữ ký tại mục người nhận tiền trong các sổ vay vốn trên không pG là chữ ký của họ. Kết quả xác minh tại Ngân hàng CSXH cho thấy các hộ dân đang nợ Ngân hàng số tiền trên. H khai những sổ vay vốn trên do Hoàng Trung G đưa cho H giữ hộ chứ H không biết việc Ngân hàng có giải ngân cho các hộ dân hay không. Ngày 25/06/2016, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã bắt Hoàng Trung G để điều tra về tội tham ô tài sản của Ngân hàng CSXH huyện H và số tiền 183 triệu nói trên liên quan đến hành vi phạm tội của G mà Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đang điều tra. Vì vậy, Cơ quan CSĐT CA huyện H đã tách số tiền 183 triệu đồng và 04 quyển sổ vay vốn cùng các tài liệu có liên quan đến số tiền này chuyển đến Cơ quan CSĐT CA tỉnh P để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với ông Hoàng Trung G –là cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội phụ trách xã X đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định. Việc H tự ý thu tiền của các hộ dân rồi không nộp lại cho Ngân hàng anh G không được bàn bạc và hưởng lợi gì. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý anh G trong vụ án này. Đối với bà Hoàng Thị Xuân, bà Nguyễn thị Lạc là tổ trưởng các tổ vay vốn cũng không biết việc H đã thu tiền các hộ dân và tự ý sử dụng các nhân, không nộp lại cho Ngân hàng và các bà cũng không được hưởng lợi gì. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện H, tỉnh P đã:

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; Điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 BLHS 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47 BLHS 1999; Khoản 2 Điều 468. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Thanh H 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội: “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2017 .

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Thanh H đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch hội phụ nữ xã X trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù .

Miễn phạt tiền, miễn tịch thu tài sản đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh H .

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Ngày 18/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P có Quyết định kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H pG chịu án phí dân sự đối với số tiền 139.001.269đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện H, tỉnh P theo hướng buộc bị cáo pG chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với số tiền còn pG bồi thường cho những người bị hại là 139.001.269đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trong hạn luật định được xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu ,miễn ,giảm , thu ,nộp ,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định: *“Trước khi mở phiên tòa, đương sự, bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại thì họ không pG chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa, đương sự, bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại thì họ pG chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường J Tòa án đưa ra xét xử vụ án đó”*.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H pG chịu án phí dân sự đối với số tiền bồi thường mà bị cáo thỏa thuận với người bị hại tại phiên tòa sơ thẩm là chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là phù hợp, cần được chấp nhận.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Thanh H pG chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với số tiền 139.001.269đ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử không xem xét

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện H, tỉnh P.

[2] Căn cứ điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Thị Thanh H pG chịu 6.950.000đ (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS huyện H;
- PV 27 CA tỉnh PT;
- Bị cáo(Qua trại giam);
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Tuấn